

Số: 155./TB-BVNĐ2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Về việc mua sắm vật tư – hóa chất y tế

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Bộ y tế Quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Bệnh viện Nhi Đồng 2 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở tổ chức kế hoạch mua sắm vật tư y tế – hóa chất y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Đồng 2.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ và tên: Bùi Thị Thu Hà
 - Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư – Thiết bị y tế.
 - Số điện thoại: 0794.957.461
 - Email: vttb@benhviennhi.org.vn.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Bản giấy và file mềm excel theo mẫu phụ lục 2 đính kèm.
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ:
Phòng VT-TBYT. Địa chỉ: Số 14 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM.
 - Nhận qua email: vttb@benhviennhi.org.vn.
- Thời gian tiếp nhận báo giá:
Từ 08h ngày 21 tháng 11 năm 2023 đến trước 17h ngày 30 tháng 11 năm 2023
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá:
Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): Phụ lục 1 đính kèm;
2. Bảng báo giá: Theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm;
3. Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (bằng tiếng Việt), tài liệu pháp lý lưu hành sản phẩm và giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng của cơ sở sản xuất trang thiết bị y tế;
4. Thông báo trúng thầu hoặc hợp đồng đã ký trong vòng 120 ngày kể từ ngày thông báo (nếu có);
5. Các thông tin khác (nếu có)

Các đơn vị tham gia chào giá có thể liên hệ số điện thoại: 028.38295723 – 453 để tìm hiểu thêm thông tin.

Bệnh viện Nhi Đồng 2 kính mời đại diện các đơn vị nộp bản báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên. /..

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VT-TBYT(BTTH, 02).



TS.BS Phạm Ngọc Thạch



Phụ lục 1: Danh mục yêu cầu báo giá

(Đính kèm Thông báo số: 225/TB-BVNĐ2 ngày 20 tháng 11 năm 2015)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
1	Băng keo lụa 2,5cm x 5m	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, keo Zinc oxide không dùng dung môi phù đều, trọng lượng của khối phủ 50-60 g/m ² , lực dính. Kích thước ≥ 2,5 cm x 5 m.	2.152	Cuộn
2	Dung dịch liệt tim túi 1000ml	Dung dịch dùng bảo quản mô, tạng, giác mạc, có tác dụng liệt tim. Thành phần trong 1.000 ml dung dịch chứa: 0,8766 g sodium chloride (15,0 mmol), 0,6710 g potassium chloride (9,0 mmol), 0,8132 g magnesium chloride x 6 H ₂ O (4,0 mmol), 27,9289 g histidine (180,0 mmol), 3,7733 g histidine hydrochloride monohydrate (18,0 mmol), 0,4085 g tryptophane (2,0 mmol), 5,4651 g mannitol (30,0 mmol), 0,0022g calcium chloride x 2 H ₂ O (0,015 mmol), 0,1842 g potassium hydrogen 2-ketoglutarate (1,0 mmol), potassium hydroxide solution, water for injection	35	Túi
3	Bộ dây dẫn chạy máy tim phổi nhân tạo cho trẻ các hạng cân 6 đến 30 kg	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. Chất liệu silicone, nhựa PVC, polycarbonate. Gồm bộ dây phẫu thuật (Surgeon's Pack), bộ dây chạy máy (Pump Pack), bộ dây mồi (Priming Pack), bộ dây bẫy khí (Bubble Trap) và bộ co nối (Connector Pack). Dành cho hạng cân 6-10kg, 10-15kg và 15-30kg.	10	Bộ
4	Quả lọc máu có kèm dây kiểu Modified/Conventional dùng cho trẻ nhỏ	Quả lọc máu có cấu tạo bởi màng polyethersulfone, có tính tương thích sinh học cao. Diện tích bề mặt: 0,25m ² . Thể tích dịch mồi (Circuit): 45ml. Áp lực tối đa: 66kPa	24	Quả
5	Clip mạch máu 2 thì titan loại trung bình, kích thước 6,2 x 4,9mm xanh	Clip mạch máu 2 thì loại trung bình, có cấu tạo mặt trong clip dạng kim cương chống trượt. Chất liệu: titanium, cỡ từ 6,2 x 4,9mm	180	Cái
6	Bộ lọc bạch cầu dùng cho truyền tiểu cầu	Vỏ ngoài làm bằng chất liệu Polycarbonate, bộ lọc dạng bán trong suốt cho phép kiểm tra tình trạng lọc Vật liệu màng lọc đảm bảo có tính tương thích sinh học cao: vật liệu Polyurethane, màng lọc xốp cao cấp Màng lọc đảm bảo lượng bạch cầu tồn dư tối thiểu ≤2x10 ⁵ Không cần mồi rửa bộ lọc với nước muối sinh lý Thể tích mồi nhỏ 17ml, cho phép thu nhiều tiểu cầu hơn Năng lực lọc: Lọc được tối đa 10 đơn vị khối tiểu cầu.	10	Bộ
7	Gạc gắn với băng dính vô khuẩn dùng băng các vết thương, vết mổ 150 mm x 90 (±10) mm	Nền băng polyester đan không dệt định lượng vải 45-55g/m ² , thoáng khí. Gạc 5cm x 10cm, rayon 80%, PET (polyester) 20%. Phủ keo acrylic an toàn cho mọi loại da.	300	Miếng

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
		Kích thước 150 mm x 90(±10) mm. Tiệt trùng từng miếng		
8	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene. Sợi chỉ số 8/0, dài tối thiểu 60cm, 2 kim tròn, đầu nhọn hoặc đầu tròn, dài 6mm (±1mm), 3/8C	Chỉ không tan đơn sợi chất liệu polypropylene số 8/0 dài tối thiểu 60cm, 2 kim tròn đầu nhọn hoặc đầu tròn 3/8C dài 6 (±1) mm làm bằng hợp kim có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric)	24	Tép
9	Chỉ tan chậm đơn sợi chất liệu Polydioxanone số 4/0 dài 70 cm, kim tròn 3/8C dài 17 mm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn BB dài 17mm 3/8 vòng tròn làm bằng hợp kim có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày	36	Tép
10	Chỉ tan chậm đơn sợi chất liệu Polydioxanone số 5/0 dài 90 cm, 2 kim tròn đầu tròn 1/2C dài 17mm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn Taper Point RB-1 dài 17mm 1/2 vòng tròn, làm bằng hợp kim có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữa chặt kim khi thao tác, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày	180	Tép
11	Chỉ tan chậm đơn sợi chất liệu Polydioxanone số 7/0 dài 45 cm, 2 kim tròn 3/8C dài 13 mm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 7/0 dài 45cm, 2 kim tròn đầu tròn C-1 dài 13mm 3/8 vòng tròn làm bằng hợp kim có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữa chặt kim khi thao tác, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày	72	Tép
12	Bộ lọc nước (Đầu lọc nước rửa tay diệt khuẩn)	Sử dụng liên tục 31 ngày không cần hấp tiệt trùng. Hai màng lọc, một màng lọc thể tích cao không đối xứng PES 0.2 micron và màng lọc đối xứng PES 0.1 micron. Diện tích màng lọc 547 cm ² . Tốc độ lọc 6 lít/phút ở áp lực 3 bar. Trọng lượng quả lọc 105g.	12	Cái

Phụ lục 2

BÁO GIÁ

(Đính kèm Thông báo số 115.../TB-BVND2 ngày 10 tháng 11 năm 2023)

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Đồng 2

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nhi Đồng 2, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ và email của hãng sản xuất, nhà cung cấp, trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh)] thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế trong danh mục của BV	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model ⁽²⁾	Mã HS ⁽³⁾	Mã vật tư theo QĐ 5086/QĐ-BYT	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Hãng sản xuất - Nước sản xuất ⁽⁶⁾	Số lượng/ Khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ chưa bao gồm mục (16) và (17) (VNĐ)	Giá và Quyết định phê duyệt KQ LCNT trong vòng 120 ngày	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ)	Tổng đơn giá (bao gồm VAT, thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ) = [(14) + (16) + (17)] x (13)
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	...																
2	...																
3	...																

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, chứng nhận lưu hành và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

- Bảng báo giá này có hiệu lực trong vòng ngày, [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm [ghi ngày ... tháng ... năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – yêu cầu báo giá].
- Chúng tôi cam kết:



- Không đăng trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chứng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, moel, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chứng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (4) Mô tả dựa trên tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ thiết bị y tế (bao gồm hãng sản xuất, nước sản xuất và các thông tin khác liên quan).
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải qua, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.